|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: ……… /GP-BTTTT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày…… tháng …… năm 20.…* |

**

Mẫu 12A/GPKDVT ban hành kèm theo

TT số 12/2013/TT-BTTTT

Ngày 13/5/2013

**GIẤY PHÉP**

**THIẾT LẬP MẠNG VIỄN THÔNG CÔNG CỘNG**

(Có giá trị đến hết ngày …… tháng … năm ………)

*Cấp lần đầu ngày …. tháng …. năm …*

*Cấp …….. ngày …… tháng … năm ………*

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

* Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;
* Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2011;
* Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông;
* Căn cứ Quyết định số 35/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;
* Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BTTTT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông;
* Xét đơn kèm Hồ sơ đề nghị cấp phép thiết lập mạng viễn thông công cộng số ngày … tháng ... năm ... và hồ sơ bổ sung số ..... ngày ... tháng ... năm 20…. của (tên doanh nghiệp) (sau đây gọi là Hồ sơ);
* Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

## NAY CHO PHÉP

**Điều 1.** Doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):

Tên giao dịch:

Tên giao dịch quốc tế:

Tên viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Giấy đăng ký doanh nghiệp/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số ................... do ................. cấp ngày ... tháng ... năm ..…. (sau đây gọi là Doanh nghiệp) được thiết lập mạng viễn thông công cộng theo các quy định sau:

1. Mục đích: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng nhưng không bao gồm việc cho phép cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Để cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông trên mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này, Doanh nghiệp phải có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông, giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông theo quy định của pháp luật chuyên ngành tương ứng.

2. Loại mạng viễn thông công cộng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng *(cố định mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện/cố định mặt đất có sử dụng băng tần*

41

*số vô tuyến điện và số thuê bao viễn thông/di động mặt đất có sử dụng băng tần số vô tuyến điện/cố định vệ tinh/di động vệ tinh)*.

3. Phạm vi thiết lập mạng: Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông công cộng trong phạm vi *(khu vực/toàn quốc). (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà Doanh nghiệp được phép thiết lập mạng viễn thông quy định tại Phụ lục của Giấy phép này).*

4. Kết nối: Doanh nghiệp được kết nối mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này với các mạng viễn thông công cộng khác, có nghĩa vụ cho các doanh nghiệp viễn thông khác kết nối vào mạng viễn thông công cộng được thiết lập theo Giấy phép này theo các quy định về quản lý kết nối.

5. Kho số: Doanh nghiệp được cấp và sử dụng *mã, số, điểm báo hiệu và số thuê bao viễn thông* theo quy hoạch và quy định quản lý kho số viễn thông.

6. Tần số vô tuyến điện: Doanh nghiệp được cấp và sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập mạng viễn thông công cộng nêu tại Giấy phép này theo quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia và các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện.

**Điều 2**: Ngoài các quy định tại Điều 1, Doanh nghiệp có trách nhiệm:

1. Đầu tư, phát triển mạng viễn thông công cộng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển viễn thông tại Việt Nam, quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động và theo các nội dung trong Hồ sơ;

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong việc thiết lập mạng viễn thông công cộng và thực hiện các quy định khác của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng viễn thông;

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin, chịu sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin;

4. Thực hiện hoạt động viễn thông công ích và các nhiệm vụ do Nhà nước huy động trong trường hợp khẩn cấp;

5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ, đột xuất về tình hình phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông;

6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ;

7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực viễn thông theo quy định của pháp luật;

8. Kết nối cơ sở dữ liệu quản lý mạng viễn thông công cộng của Doanh nghiệp với hệ thống thu thập và quản lý số liệu viễn thông của Cục Viễn thông khi được yêu cầu;

9. Công bố nội dung Giấy phép này theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

10. Nộp đầy đủ, đúng hạn các loại phí, lệ phí theo quy định;

11. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

***Điều 3****. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy phép ……………/.*

**BỘ TRƯỞNG**

*Ghi chú: các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy phép cụ thể*

42